

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 16/01/2018
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Ngoãn

Ông Phạm Mã Siêu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải , tỉnh Thái Bình tham gia
phiên tòa:* Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên .

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST - HNGĐ ngày 17/8/2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXX- ST ngày 14/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐ – HPT ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị A, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn V, xã N, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, Sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn V, xã N, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Chị A có mặt tại phiên tòa; anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 27/7/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 17/8/2017 và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị A trình bày: Chị và anh Trương Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 28/01/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung và do anh đánh chị. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải, hàn gắn nhưng chỉ được một thời gian ngắn hai vợ

chồng chị lại phát sinh mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp được nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Trương Tấn S, sinh ngày 27/3/2014. Hiện nay con chung đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn chị nhường quyền nuôi con chung cho anh T.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ. Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại đơn đề nghị ngày 29/11/2017 bị đơn là anh Trương Văn T trình bày: Anh và chị A kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại gia đình nhà anh, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến ngày 25/7/2014 thì chị A tự ý bỏ nhà đi bỏ lại con chung mới được 04 tháng tuổi cho anh chăm sóc. Từ đó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị A xin ly hôn anh quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì anh theo đạo Thiên chúa giáo không được phép ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Trương Tấn S, sinh ngày 27/3/2014. Hiện nay con chung đang ở cùng anh. Nếu Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị A thì anh có nguyện vọng được nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị A không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị A đối với anh Trương Văn T; Về con chung: Đề nghị giao con chung Trương Tấn S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị A cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 02 năm 2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trương Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A và anh Trương Văn T kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/01/2013. Đó là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị A xin ly hôn anh T Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chị A và anh T chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Cả hai đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 đến nay. Như vậy quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Chị A xin ly hôn, anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã nhiều lần báo anh đến Tòa án để hòa giải và làm việc anh đều không có mặt. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án anh cũng không có hướng khắc phục để hàn gắn tình cảm chứng tỏ vợ chồng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giải quyết cho chị A được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Trương Tấn S, sinh ngày 27/3/2014. Hiện nay con chung đang ở cùng anh T. Anh T có nguyện vọng nuôi con chung, chị A cũng đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định cho cháu Sang cũng như nguyện vọng của các đương sự nên giao con chung cho Trương Tấn S cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 luật hôn nhân gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy việc chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 2 năm 2018 đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27; điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn với anh Trương Văn T.

2/ Về con chung: Giao con chung Trương Tấn S, sinh ngày 27/3/2014 cho anh Trương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 2 năm 2018 đến khi

con đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị A có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008396 ngày 17/8/2017 sang tiền án phí, chị A còn phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2018). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘ THĂM NHẬN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Vương